

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 20/2024/DSST

Ngày: 12/9/2024

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nông Thị Giới

2. Ông Nguyễn Ngọc Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hùng Phong – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân thị xã Bình Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 109/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXX-ST ngày 07 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số B, L, B, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc

Đại diện của Ngân hàng N chi nhánh huyện H - T: Ông Nguyễn Đức T – Giám đốc

Địa chỉ: Quốc lộ A, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đức T là ông Lương Xuân L – Giám đốc Phòng G – Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện N – T. (Có mặt)

Địa chỉ trụ sở: Hưng Lập B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

Nơi cư trú: Ấp G, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* Anh Võ Đại Anh P, sinh năm 1998 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, Khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ Anh T1, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Thúy V1, sinh năm 1972 (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Tổ A, Khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Ngân hàng N – Đại diện là Ngân hàng N chi nhánh huyện H, Tây B – Phòng G (Gọi tắt là: Ngân hàng) cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Bình Long của ông Lương Xuân L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14 tháng 12 năm 2022, ông Võ Đại Anh P (là người đại theo ủy quyền ông Võ Anh T1, bà Nguyễn Thị Thúy A) ký kết với Ngân hàng theo Hợp đồng Tín dụng số 5616LAV202202548/HĐTD ngày 14/12/2022, vay số tiền là: 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng. Lãi suất trong hạn tại thời điểm ký Hợp đồng Tín dụng là 11.4%/năm. Đồng thời ông Võ Đại Anh P ký kết hợp đồng thế chấp số 202003380/HĐTC ngày 02/12/2020, bao gồm 01 Quyền sử dụng thuộc thửa đất số 940, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: khu phố P, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước; diện tích 292,6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 953568, số vào sổ cấp GCN: CS 00301, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 26/12/2016, chủ sở hữu bà Nguyễn Thị Thúy V1, ông Võ Anh T1.

Ngày 14/12/2023, Hợp đồng tín dụng trên đã đến hạn thanh toán gốc và lãi nhưng ông P vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bình Long buộc bị đơn ông Võ Đại Anh P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thúy V1, ông Võ Anh T1 cùng liên đới:

1. Trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn từ ngày 14/12/2022 đến ngày 12/9/2024 là 107.508.493đ (Một trăm lẻ bảy triệu năm trăm lẻ tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng); lãi quá hạn từ ngày 14/12/2023 đến ngày 12/9/2024 là 21.369.041đ (Hai mươi một triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng) và tiền lãi chậm trả từ ngày 14/12/2023 đến ngày 12/9/2024 là 6.477.041đ (Sáu triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi một đồng). Tổng số tiền ông P, bà V1 và ông T1 phải trả là: 735.354.575đ (Bảy trăm ba mươi lăm triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Trong trường hợp ông Võ Đại Anh P và bà Nguyễn Thị Thúy V1, ông Võ Anh T1 không trả được nợ, Ngân hàng yêu cầu tòa án nhân dân thị xã Bình Long xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 202003380/HĐTC ngày 02/12/2020 để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ vay.

Bị đơn ông Võ Đại Anh P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thúy V1, ông Võ Anh T1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên không thể thu thập được ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Võ Đại Anh P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thúy V1, ông Võ Anh T1 có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn là 735.354.575đ (Bảy trăm ba mươi lăm triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi năm đồng), trong đó số tiền gốc là **600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi là 135.354.575đ (Một trăm ba mươi lăm triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi năm đồng)**

- Đề nghị công nhận hợp đồng tín dụng số 5616LAV202202548/HĐTD ký ngày 14/12/2022 và Hợp đồng thế chấp số 202003380/HĐTC ngày 02/12/2020 có hiệu lực pháp luật.

- **Án phí: Buộc** ông Võ Đại Anh P và bà Nguyễn Thị Thúy V1, ông Võ Anh T1 **phải chịu án phí theo quy định.**

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng khởi kiện về việc vay tài sản, xử lý tài sản thế chấp đối với bị đơn ông Võ Đại Anh P có hộ khẩu thường trú tại tổ A, Khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử xác định quan hệ là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn ông Võ Đại Anh P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thúy V1, ông Võ Anh T1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho ông P, bà V1 và ông T1 theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng ông P, bà V1 và ông T1 không có mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Võ Đại Anh P và bà Nguyễn Thị Thúy V1, ông Võ Anh T1.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng yêu cầu ông Võ Đại Anh P và bà Nguyễn Thị Thúy V1, ông Võ Anh T1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn từ ngày 14/12/2022 đến ngày 12/9/2024 là 107.508.493đ (Một trăm lẻ bảy triệu năm trăm lẻ tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng); lãi quá hạn từ ngày 14/12/2023 đến ngày 12/9/2024 là 21.369.041đ (Hai mươi một triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng) và tiền lãi chậm trả từ ngày 14/12/2023 đến ngày 12/9/2024 là 6.477.041đ (Sáu triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi một đồng). Tổng số tiền ông P, bà V1 và ông T1 phải trả là: 735.354.575đ (Bảy trăm ba mươi lăm triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng)

Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc ông Võ Đại Anh P và bà Nguyễn Thị Thúy V1, ông Võ Anh T1 có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 12/9/2024 là có căn cứ, được tính cụ thể như sau:

- Đối với tiền lãi trong hạn:

Lãi trong hạn phát sinh từ ngày 14/12/2022 đến ngày 02/04/2023 là $(600.000.000 \text{ đồng} \times 11,4\%) / 365 \text{ ngày} \times 110 \text{ ngày} = 20.613.699 \text{ đồng}$

Lãi trong hạn phát sinh từ ngày 03/04/2023 đến ngày 25/05/2023 là $(600.000.000 \text{ đồng} \times 11,2\%) / 365 \text{ ngày} \times 53 \text{ ngày} = 9.757.808 \text{ đồng}$

Lãi trong hạn phát sinh từ ngày 26/05/2023 đến ngày 18/06/2023 là $(600.000.000 \text{ đồng} \times 10,8\%) / 365 \text{ ngày} \times 24 \text{ ngày} = 4.260.822 \text{ đồng}$

Lãi trong hạn phát sinh từ ngày 19/06/2023 đến ngày 25/03/2024 là $(600.000.000 \text{ đồng} \times 10,3\%) / 365 \text{ ngày} \times 281 \text{ ngày} = 47.577.534 \text{ đồng}$

Lãi trong hạn phát sinh từ ngày 26/03/2024 đến ngày 12/09/2024 là $(600.000.000 \text{ đồng} \times 9\%) / 365 \text{ ngày} \times 171 \text{ ngày} = 25.298.630 \text{ đồng}$

Tổng cộng số tiền lãi trong hạn là: $(20.613.699đ + 9.757.808đ + 4.260.822đ + 47.577.534đ + 25.298.630đ) = 107.508.493đ$ (Một trăm lẻ bảy triệu năm trăm lẻ tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng)

- Đối với tiền lãi quá hạn (phần tính 50% lãi suất cho vay):

Lãi quá hạn chưa trả tính từ ngày 14/12/2023 đến ngày 25/3/2024 là: $(600.000.000 \text{ đồng} \times 5,05\%) / 365 \text{ ngày} \times 103 \text{ ngày} = 8.719.726đ$

Lãi quá hạn chưa trả tính từ ngày 26/3/2024 đến ngày 12/9/2024 là: $(600.000.000 \text{ đồng} \times 4,5\%) / 365 \text{ ngày} \times 171 \text{ ngày} = 12.649.315đ$

Tổng cộng số tiền lãi quá hạn là: $(8.719.726đ + 12.649.315đ) = 21.369.041đ$ (Hai mươi một triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng)

- Đối với lãi chậm trả (10%/năm):

Lãi chậm trả phát sinh từ ngày 14/12/2022 đến ngày 02/04/2023 là $(600.000.000 \text{ đồng} \times 11,4\%)/365 \text{ ngày} \times 110 \text{ ngày} /10\% = 2.061.370\text{đ}$

Lãi chậm trả phát sinh từ ngày 03/04/2023 đến ngày 25/05/2023 là $(600.000.000 \text{ đồng} \times 11,2\%)/365 \text{ ngày} \times 53 \text{ ngày} /10\% = 975.781 \text{ đồng}$

Lãi chậm trả phát sinh từ ngày 26/05/2023 đến ngày 18/06/2023 là $(600.000.000 \text{ đồng} \times 10,8\%)/365 \text{ ngày} \times 24 \text{ ngày} /10\% = 426.082 \text{ đồng}$

Lãi chậm trả phát sinh từ ngày 19/06/2023 đến ngày 13/12/2023 là $(600.000.000 \text{ đồng} \times 10,3\%)/365 \text{ ngày} \times 178 \text{ ngày} /10\% = 3.013.808 \text{ đồng}$

Tổng công tiền lãi chậm trả là $(2.061.370\text{đ} + 975.781\text{đ} + 426.082\text{đ} + 3.013.808) = 6.477.041\text{đ}$ (Sáu triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi một đồng)

Tổng cộng số tiền ông Võ Đại Anh P và bà Nguyễn Thị Thúy V1, ông Võ Anh T1 có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là: $600.000.000\text{đ} + 107.508.493\text{đ} + 21.369.041\text{đ} + 6.477.041\text{đ} = 735.354.575\text{đ}$ (Bảy trăm ba mươi lăm triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng) là đúng theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số: 5616LAV202202548/HĐTD ký ngày 14/12/2022, đúng quy định tại các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, được Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông Võ Đại Anh P và bà Nguyễn Thị Thúy V1, ông Võ Anh T1 có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng số tiền 735.354.575đ (Bảy trăm ba mươi lăm triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng)

Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp quyền sử dụng đất số 202003380/HĐTC ngày 02/12/2020. Về hình thức, nội dung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được lập bằng văn bản. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đã được cấp giấy chứng nhận cho ông Võ Anh T1, bà Nguyễn Thị Thúy V1. Khi xác lập hợp đồng thế chấp ông P đã ký vào hợp đồng, được sự ủy quyền bằng văn bản của thành viên trong hộ gia đình (ông T1, bà V1), hợp đồng đã được Công chứng; về nội dung hợp đồng thế chấp tài sản thế hiện sự tự nguyện của các bên khi tham gia ký kết, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Vì vậy, cần công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 202003380/HĐTC ngày 02/12/2020 để đảm bảo cho Ngân hàng thu hồi nợ theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, trong trường hợp ông P và ông T1, bà V1 không trả được số tiền nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất: Thửa đất số 940, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: khu phố P, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước; diện tích 292,6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 953568, sổ vào sổ cấp GCN: CS 00301, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B

cấp ngày 26/12/2016, chủ sở hữu bà Nguyễn Thị Thúy V1, ông Võ Anh T1 đề thu hồi nợ.

Bị đơn ông Võ Đại Anh P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **ông Võ Anh T1, bà Nguyễn Thị Thúy V1** vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có lý do chính đáng. Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tổng đạt và niêm yết công khai văn bản tố tụng cho ông P và ông T1, bà V1 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên không thể thu thập được ý kiến của ông P, ông T1 và bà V1, xét xử theo chứng cứ của nguyên đơn cung cấp.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là đúng quy định, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Võ Đại Anh P và **ông Võ Anh T1, bà Nguyễn Thị Thúy V1** phải nộp **33.414.183đ** (Ba mươi ba triệu bốn trăm mười bốn nghìn một trăm tám mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn **15.757.000đ** (Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số **0002033 ngày 31/5/2024** của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 299 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N – Đại diện là Ngân hàng N chi nhánh huyện H, Tây B – Phòng G.

2. Buộc ông Võ Đại Anh P và **ông Võ Anh T1, bà Nguyễn Thị Thúy V1** có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N – Đại diện là Ngân hàng N chi nhánh huyện H, Tây B – Phòng G số tiền **735.354.575đ** (Bảy trăm ba mươi lăm triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng), đã bao gồm cả nợ gốc và lãi tính đến ngày 12/9/2024. Trong đó nợ gốc **600.000.000đ** (**Sáu trăm triệu**

đồng) và tiền lãi là 135.354.575đ (Một trăm ba mươi lăm triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi năm đồng)

Ông Võ Đại Anh P và **ông Võ Anh T1, bà Nguyễn Thị Thúy V1** phải tiếp tục trả số tiền lãi quá hạn đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 13 tháng 9 năm 2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc, lãi theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 5616LAV202202548/HĐTD ký ngày 14/12/2022. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì mức lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

3. Công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 202003380/HĐTC ngày 02/12/2020 được ký kết giữa Ngân hàng N – Đại diện là Ngân hàng N chi nhánh huyện H, Tây B – Phòng giao dịch T2 khai với ông Võ Đại Anh P. Trong trường hợp ông P và bà V1, ông T1 không trả được số tiền nợ cho Ngân hàng N – Đại diện là Ngân hàng N chi nhánh huyện H, Tây B – Phòng G thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất: Thừa đất số 940, tờ bản đồ số 10, địa chỉ: khu phố P, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước; diện tích 292,6m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 953568, số vào sổ cấp GCN: CS 00301, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 26/12/2016, chủ sở hữu bà Nguyễn Thị Thúy V1, ông Võ Anh T1, để thu hồi nợ.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Võ Đại Anh P và **ông Võ Anh T1, bà Nguyễn Thị Thúy V1** phải nộp **33.414.183đ** (Ba mươi ba triệu bốn trăm mười bốn nghìn một trăm tám mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng N chi nhánh huyện H, Tây B **15.757.000đ (Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng)**, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số **0002033 ngày 31/5/2024** của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Bình Long;
- Chi cục THADS thị xã Bình Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Đức